

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 7 - 2024

*“Về việc Tranh chấp hôn nhân
và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Bằng

Bà Đỗ Thị Kim Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 05 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hán Thị H, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã N, huyện S1, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện trú tại: Số 128, đoạn 1, đường T, T1, quận T2, thành phố Đ, Đài Loan (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền, nhận văn bản tố tụng thay chị H: Chị

Nguyễn Thị X, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn H1, xã M, huyện M1, tỉnh Nam Định (có mặt).

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1980; nơi cư trú và ĐKKHTT: Thôn S, xã N, huyện S1, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và những lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hán Thị H trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn T1 kết hôn với nhau ngày 17/10/2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S1, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh T1 tại thôn S, xã N, huyện S1, tỉnh Vĩnh Phúc. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2016 anh chị cùng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Khi sang Đài Loan, hai người làm ở hai công ty khác nhau, thời gian gặp nhau không nhiều và hai vợ chồng không có con chung, quan điểm sống trái ngược nhau dẫn đến không có tiếng nói chung, từ đó phát sinh mâu thuẫn. Năm 2019, hai vợ chồng đã cùng quay về Việt Nam nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên anh chị đã sống ly thân từ đó, hai bên không còn quan tâm, thăm hỏi nhau, không liên lạc với nhau, chị H không biết thông tin gì về anh T1.

Đến tháng 6 năm 2023, khi về Việt Nam, chị ở nhà bố mẹ đẻ tại địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện S1, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị gọi điện thoại cho anh T1 không được. Chị hỏi gia đình anh T1 không cho biết thông tin gì về anh. Chị chỉ biết hiện anh T1 đang đi xuất khẩu tại Đài Loan nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể, không biết anh T1 đi xuất khẩu theo Công ty nào. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị H và anh T1 chưa có con chung

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chị H mong Tòa án sớm giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh T1 theo nguyện vọng của chị, thời gian tới chị H quay lại Đà Loan làm việc, không thể tham dự các buổi làm việc tại Tòa án cũng như tham dự phiên tòa chị xin vắng mặt, do đó chị ủy quyền cho chị X thay mặt chị tham dự các buổi làm việc, tham gia tại phiên tòa, thay mặt chị nhận các giấy tờ tại Tòa án và đóng các khoản lệ phí.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H, chị Nguyễn Thị X trình bày: Quan điểm của chị H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T1. Các văn bản, giấy tờ Tòa án gửi cho chị H, chị xin nhận thay và sẽ giao cho chị H.

Đối với bị đơn anh Hoàng Văn T1: Vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn và gia đình bị đơn không cung cấp địa chỉ nên Tòa án đã lấy lời khai 02 lần tại gia đình bị đơn; Vụ án được giải quyết theo hướng cô tình giấu địa chỉ.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về lệ phí, án phí của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hán Thị H, xử cho chị H ly hôn với anh T1.

Về con chung: Anh chị không có con chung

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, công sức đóng góp: Không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án có yếu tố nước ngoài, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa:

- Về việc xét xử vắng mặt của nguyên đơn: Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Hán Thị H.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn là anh Hoàng Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng bị đơn không chấp hành các thông báo của Tòa án, cố tình không đến Tòa án làm việc, tham gia phiên tòa nên Tòa án không lấy được lời khai của anh T1, không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được. Việc bị đơn cố tình vắng mặt không đến tham gia các phiên họp, không có mặt tại phiên tòa đã từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Qua xác minh tại địa phương, xác định hiện nay bị đơn, không có mặt tại địa chỉ thôn S, xã N, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo Công văn trả lời số 10040/QLXNC-P3 ngày 16/5/2024 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, từ năm 2016 anh Hoàng Văn T1 xuất nhập cảnh 07 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 07/01/2023 và hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Tòa án lấy lời khai ông Hoàng Mạnh K (bố đẻ của anh

Hoàng Văn T1) cho biết hiện nay anh đang đi lao động xuất khẩu ở Đài Loan nhưng không biết địa chỉ cụ thể ở đâu để cung cấp cho Tòa án. Ông đã nhận được các văn bản của Tòa án gửi cho anh T1, khi anh T1 gọi điện về, ông đã thông báo cho anh T1 biết nhưng anh T1 nói không về Tòa được và đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Như vậy, xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho ông K và tiến hành niêm yết tại thôn S, xã N, huyện S1, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của nguyên đơn chị Hán Thị H và ông Hoàng Mạnh K là bố đẻ của anh Hoàng Văn T1 xác định: chị H và anh Hoàng Văn T1 kết hôn với nhau năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau đến năm 2016 rồi cùng nhau đi xuất khẩu tại Đài Loan. Sang Đài Loan hai người đi làm ở hai công ty khác nhau. Xuất phát từ việc hai vợ chồng không có con chung nên nhiều quan điểm khác nhau, cả hai không tìm được tiếng nói chung dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hai vợ chồng đã cùng quay về Việt Nam năm 2019 nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên anh chị đã sống ly thân từ đó và hiện tại chị không biết địa chỉ cụ thể của anh T1 ở đâu. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Hoàng Văn T1.

Ông Hoàng Mạnh K đã thông báo cho anh T1 biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn giữa chị H và anh T1. Quan điểm của anh T1 là vợ chồng không còn tình cảm, anh đồng ý ly hôn với chị H.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân giữa chị H và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trên thực tế anh chị đã ly thân từ năm 2019. Vì vậy, căn cứ vào

khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H, cho chị H ly hôn với anh T1.

[2.2] Về con chung: Anh chị không có con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị Hán Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm về giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là có căn cứ, phù hợp pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Hán Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hán Thị H, cho chị Hán Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn T1.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Hán Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007277 ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Thời hạn kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa và đang cư trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Ủy ban nhân dân xã N, huyện S1, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh